

CÔNG TY CỔ PHẦN MAY PHÚ THÀNH

MST: 0500578254



BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Quý I/2016

Gồm các biểu:

- Bảng cân đối kế toán – Mẫu biểu số B01/DNN
- Báo cáo kết quả kinh doanh – Mẫu biểu số B02/DNN
- Báo cáo lưu chuyển tiền tệ - Mẫu số B03/DNN
- Thuyết minh báo cáo tài chính –Mẫu biểu số B09/DNN

**CÔNG TY CỔ PHẦN MAY
PHÚ THÀNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Số 1904/MPT-CBTT

V/v: Công bố thông tin báo cáo tài
chính riêng và hợp nhất quý I năm 2016

Hà Nội, ngày 19 tháng 4 năm 2016

Kính gửi: Ủy Ban Chứng Khoán Nhà Nước

Sở Giao Dịch Chứng Khoán Hà Nội

1. Tên công ty: CTCP MAY PHÚ THÀNH
2. Mã chứng khoán: MPT
3. Địa chỉ trụ sở chính: Cụm CN Trường An, xã An Khánh, Hoài Đức, Hà Nội
4. Điện thoại: 043 3651244
5. Người thực hiện công bố thông tin: Nguyễn Việt Cường
6. Nội dung của thông tin công bố:
 - 6.1. Báo cáo tài chính riêng quý I năm 2016 của CTCP May Phú Thành được lập ngày 19/4/2016 bao gồm BCĐKT, BCKQHĐKD, BCLCTT, TMBCTC.
 - 6.2. Báo cáo tài chính hợp nhất quý I năm 2016 của CTCP May Phú Thành được lập ngày 19/4/2016 bao gồm BCĐKT, BCKQHĐKD, BCLCTT, TMBCTC.
 - 6.3. Các nội dung giải trình (nếu có): Không
7. Địa chỉ website đăng tải toàn bộ nội dung báo cáo tài chính: www.hnx.vn
www.phuthanhgroup.com

Chúng tôi cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung thông tin công bố

Nơi nhận:

- Như trên
- Lưu VT

NGƯỜI ĐƯỢC UQCBTT
(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ, đóng dấu)



NGUYỄN VIỆT CƯỜNG

CÔNG TY CỔ PHẦN MAY PHÚ THÀNH

Địa chỉ: Cụm CN Trường An, xã An Khánh, huyện Hoài Đức, Hà Nội

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tiếp theo)

Ngày 31 tháng 03 năm 2016

Mẫu số B01-DN

Đơn vị : VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối quý I/2016	Số đầu năm
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		54,583,061,882	42,318,018,996
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	VI.1	2,958,911,281	2,947,250,305
1. Tiền	111		2,958,911,281	2,947,250,305
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	-
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120	VI.2	-	-
1. Chứng khoán kinh doanh	121		-	-
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh (*)	122		-	-
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		-	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		30,243,525,533	24,861,846,987
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	VI.3	19,727,287,755	15,043,409,225
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	VI.4	754,835,000	710,021,500
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch HĐXD	134		-	-
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	VI.5	9,500,000,000	8,500,000,000
6. Các khoản phải thu khác	136	VI.6	261,402,778	608,416,262
7. Dự phòng phải thu khó đòi (*)	137		-	-
8. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		-	-
IV. Hàng tồn kho	140	VI.7	20,385,546,286	13,865,103,928
1. Hàng tồn kho	141		20,385,546,286	13,865,103,928
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)	149		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		995,078,782	643,817,776
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	VI.8	10,556,314	-
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		982,619,064	641,914,372
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước (*)	153	VI.13	1,903,404	1,903,404
4. Giao dịch mua bán trái phiếu chính phủ	154		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		99,934,979,560	100,190,275,364
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Trả trước cho người bán dài hạn	212		-	-
3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213		-	-
4. Phải thu nội bộ dài hạn	214		-	-
5. Phải thu về cho vay dài hạn	215		-	-
6. Phải thu dài hạn khác	216		-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN MAY PHÚ THÀNH

Địa chỉ: Cụm CN Trường An, xã An Khánh, huyện Hoài Đức, Hà Nội

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tiếp theo)

Mẫu số B01-DN

Ngày 31 tháng 03 năm 2016

Đơn vị : VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối quý I/2016	Số đầu năm
II. Tài sản cố định	220		6,282,138,526	6,479,180,812
1. Tài sản cố định hữu hình	221	VI.9	6,282,138,526	6,479,180,812
- Nguyên giá	222	VI.11	7,161,008,000	7,313,108,000
- Giá trị hao mòn lũy kế	223	VI.12	(878,869,474)	(833,927,188)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224	VI.13	-	-
- Nguyên giá	225		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	226	VI.14	-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227		-	-
- Nguyên giá	228		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		-	-
III. Bất động sản đầu tư	230	VI.15	-	-
- Nguyên giá	231	VI.16	-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	232		-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		-	-
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		-	-
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250	VI.2	93,420,000,000	93,420,000,000
1. Đầu tư vào công ty con	251		75,000,000,000	75,000,000,000
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		-	-
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		18,420,000,000	18,420,000,000
4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn (*)	254		-	-
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn (dài hạn)	255		-	-
VI. Tài sản dài hạn khác	260		232,841,034	291,094,552
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	VI.8	232,841,034	291,094,552
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		-	-
3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		-	-
4. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		154,518,041,442	142,508,294,360

CÔNG TY CỔ PHẦN MAY PHÚ THÀNH

Địa chỉ: Cụm CN Trường An, xã An Khánh, huyện Hoài Đức, Hà Nội

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tiếp theo)

Ngày 31 tháng 03 năm 2016

Mẫu số B01-DN

Đơn vị : VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối quý I/2016	Số đầu năm
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		43,076,398,994	32,489,532,939
I. Nợ ngắn hạn	310		43,076,398,994	32,489,532,939
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	VI.11	21,213,518,480	12,856,031,315
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	VI.12	1,196,180,729	1,031,128,584
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	VI.13	3,881,544,962	3,525,802,021
4. Phải trả người lao động	314		-	-
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	VI.14	80,000,000	80,000,000
6. Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		-	-
7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch HDXD	317		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		-	-
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	VI.15	40,650,404	-
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	VI.10	16,664,504,419	14,996,571,019
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		-	-
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		-	-
13. Quỹ bình ổn giá	323		-	-
14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	324		-	-
II. Nợ dài hạn	330		-	-
1. Phải trả dài hạn người bán	331		-	-
2. Người mua trả tiền trước dài hạn	332		-	-
3. Chi phí phải trả dài hạn	333		-	-
4. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334		-	-
5. Phải trả nội bộ dài hạn	335		-	-
6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		-	-
7. Phải trả dài hạn khác	337		-	-
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	VI.10	-	-
9. Trái phiếu chuyển đổi	339		-	-
10. Cổ phiếu ưu đãi	340		-	-
11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		-	-
12. Dự phòng phải trả dài hạn	342		-	-
13. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343		-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN MAY PHÚ THẠNH

Địa chỉ: Đường Cự CN Trường An, xã An Khánh, huyện Hoài Đức, Hà Nội

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tiếp theo)

Mẫu số B01-DN

Ngày 30 tháng 03 năm 2016

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Đơn vị: VND	
			Số cuối quý I/2016	Số đầu năm
I. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		111,441,642,448	110,018,761,421
1. Vốn chủ sở hữu	410	VI.16	111,441,642,448	110,018,761,421
1.1 Vốn góp của chủ sở hữu	411		96,000,000,000	96,000,000,000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		96,000,000,000	96,000,000,000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
1.2 Tăng dự vốn cổ phần	412		-	-
1.3 Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413		-	-
1.4 Vốn khác của chủ sở hữu	414		-	-
1.5 Cổ phiếu quỹ (*)	415		-	-
1.6 Chính sách đánh giá lại tài sản	416		-	-
1.7 Chính sách tỷ giá hối đoái	417		-	-
1.8 Quỹ đầu tư phát triển	418		-	-
1.9 Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419		-	-
1.10 Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		-	-
1.11 Lợi nhuận chưa phân phối	421		15,441,642,448	14,018,761,421
- Lợi nhuận chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		14,018,761,421	2,393,202,835
- Lợi nhuận chưa phân phối kỳ này	421b		1,422,881,027	11,625,558,586
1.12 Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	422		-	-
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
1. Nguồn kinh phí	431		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	432		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		154,518,041,442	142,508,294,360

Hà Nội, ngày 19 tháng 04 năm 2016

Người lập

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc

Nguyễn Thị Hoi

Nguyễn Thị Hoi

Nguyễn Viết Tùng



CÔNG TY CỔ PHẦN MAY PHÚ THÀNH
 Địa chỉ: Cụm CN Trường An, xã An Khánh, huyện Hoài Đức, Hà Nội

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Mẫu số B02-DN

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 03 năm 2016

Đơn vị : VND

Chi tiêu	Mã số	Thuyết minh	Quý I/2016	Quý I/2015
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VII.1	15,539,220,456	5,423,527,273
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	VII.2	87,274	-
3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		15,539,133,182	5,423,527,273
4. Giá vốn hàng bán	11	VII.3	13,170,484,038	5,049,742,046
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		2,368,649,144	373,785,227
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VII.4	261,656,428	11,290,870,337
7. Chi phí tài chính	22	VII.5	408,891,667	380,767,781
8. Trong đó: Chi phí lãi vay	23		-	-
9. Chi phí bán hàng	25	VII.8	48,004,899	31,351,358
10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VII.8	396,694,406	173,142,528
11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		1,776,714,600	11,079,393,897
12. Thu nhập khác	31	VII.6	2,000,106	-
13. Chi phí khác	32	VII.7	90,738	1,216,798
14. Lợi nhuận khác	40		1,909,368	(1,216,798)
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		1,778,623,968	11,078,177,099
16. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VII.9	355,742,941	2,437,466,657
17. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		1,422,881,027	8,640,710,442

Người lập

Kế toán trưởng

Hà Nội, ngày 19 tháng 04 năm 2016

Tổng Giám đốc



Nguyễn Thị Hời

Nguyễn Thị Hời

Nguyễn Viết Tùng

CÔNG TY CỔ PHẦN MAY PHÚ THÀNH

Địa chỉ: Cụm CN Trường An, xã An Khánh, huyện Hoài Đức, Hà Nội

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Mẫu số B03-DN

Theo phương pháp gián tiếp

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 03 năm 2016

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	TM	Quý I/2016	Quý I/2015
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		1,422,971,765	
2. Điều chỉnh cho các khoản				
- Khấu hao tài sản cố định	02		197,042,286	
- Các khoản dự phòng	03		-	-
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các	04		-	-
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(263,565,740)	
- Chi phí lãi vay	06		420,625,246	
- Các khoản điều chỉnh khác	07			
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		1,777,073,557	
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(8,101,458,478)	
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		6,520,442,358	
- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11			
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		(95,394,408)	
- Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh	13			
- Tiền lãi vay đã trả	14		420,625,246	
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15			
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		11,051,047,319	
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17		(10,228,861,668)	
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		1,343,473,926	
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		-	
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		-	
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(1,000,000,000)	
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24			
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25			
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26			
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		253,650	
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(999,746,350)	

CÔNG TY CỔ PHẦN MAY PHÚ THÀNH

Địa chỉ: Khu vực CN Trường An, xã An Khánh, huyện Hoài Đức, Hà Nội

BẢNG CHUYỂN TIỀN TỆ (tiếp theo)

Mẫu số B03-DN

Phương pháp gián tiếp

Đã được kiểm tra và chính xác kết thúc vào ngày 31 tháng 03 năm 2016

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	TM	Quý I/2016	Quý I/2015
1. Dòng chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1.1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		-	
1.2. Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành.	32		-	
1.3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33		5,396,435,209	
1.4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(5,728,501,809)	
1.5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35		-	
1.6. Các khoản lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		-	
1.7. Dòng chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(332,066,600)	
2. Dòng chuyển tiền thuần trong kỳ	50		11,660,976	
3. Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60		2,947,250,305	
4. Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61			
5. Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70		2,958,911,281	-

Hà Nội, ngày 19 tháng 04 năm 2016

Người lập

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc

Nguyễn Thị Hợi

Nguyễn Thị Hợi

Nguyễn Viết Tùng



CÔNG TY CỔ PHẦN MAY PHÚ THÀNH

Địa chỉ: Cụm CN Trường An, xã An Khánh, huyện Hoài Đức, Hà Nội

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Mẫu số B09-DN

Được chính kết thúc vào ngày 31 tháng 03 năm 2016

1. ĐIỂM HOẠT ĐỘNG DOANH NGHIỆP

1.1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần May Phú Thành là công ty cổ phần được thành lập tại Việt Nam theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0500578254 do Sở Kế hoạch Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 01 tháng 01 năm 2008 và được đăng ký thay đổi lần thứ 06 vào ngày 24 tháng 12 năm 2014.

Trụ sở chính của Công ty tại cụm công nghiệp Trường An, xã An Khánh, huyện Hoài Đức, Hà Nội.

Vốn điều lệ của Công ty: theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ 06 ngày 24/12/2014 là 96.000.000.000 VND (Bằng chữ: Chín mươi sáu tỷ đồng) tương đương 9.600.000 cổ phần với mệnh giá 10.000 VND/cổ phần.

1.2. Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

Hoạt động chính của Công ty là sản xuất gia công hàng may mặc.

Ngành nghề kinh doanh như sau:

- May trang phục (trừ trang phục từ da lông thú); Sản xuất sợi; Sản xuất vải dệt thoi; Hoàn thiện sản phẩm dệt; Sản xuất vải dệt kim, vải đan móc và vải không dệt khác;
- Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu; Sản xuất các loại hàng dệt khác chưa được phân vào đâu; Dịch vụ liên quan đến in; In ấn;
- Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình; Sản xuất giường, tủ, bàn, ghế; Sản xuất đồ gỗ xây dựng;
- Sản xuất sản phẩm khác từ gỗ; sản xuất sản phẩm từ tre, nứa, rom, rạ và vật liệu tết bện; Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác; Bán buôn vải, hàng may sẵn, giấy dệt; Bán buôn tổng hợp;
- Chuẩn bị mặt bằng; chi tiết: San lấp mặt bằng;
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu;
- Bán buôn thực phẩm; chi tiết: Bán buôn đường, sữa và các sản phẩm sữa, bánh kẹo và các sản phẩm chế biến từ ngũ cốc, bột, tinh bột; Sản xuất các loại bánh từ bột; Bán lẻ lương thực, thực phẩm, đồ uống, thuốc lá, thuốc lá chiếm tỷ trọng lớn trong các cửa hàng chuyên doanh
- Sản xuất ca cao, sôcôla và mứt kẹo;
- Sản xuất plastic và cao su tổng hợp dạng nguyên sinh; Sản xuất các sản phẩm nhựa.

1.3. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường tại đơn vị là 12 tháng.

1.4. Điểm hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp trong kỳ có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính: Không.

2. NIÊN ĐỘ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

2.1. Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

2.2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

CÔNG TY TNHH DỆT KIM PHÚ VĨNH HƯNG

Địa chỉ: Kim Đoàn Kết, xã La Phú, huyện Hoài Đức, thành phố Hà Nội

BÁO THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Mẫu số B09-DN

Nội dung chính kết thúc vào ngày 31 tháng 03 năm 2016

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực Kế toán và Chế độ Kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành đang áp dụng.

III. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Các loại tỷ giá hối đoái áp dụng trong kế toán

Khi thực hiện công tác kế toán, Công ty áp dụng các loại tỷ giá sau:

- Tỷ giá giao dịch thực tế;
- Tỷ giá ghi sổ kế toán.

2. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển, tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời gian đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

3. Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư tài chính

4. Nguyên tắc kế toán nợ phải thu

a. Nguyên tắc ghi nhận

Các khoản phải thu khách hàng, khoản trả trước cho người bán, phải thu nội bộ và các khoản phải thu khác tại thời điểm báo cáo nếu:

- Có thời hạn thu hồi hoặc thanh toán đến 1 năm (hoặc trong một chu kỳ sản xuất kinh doanh) được phân loại là tài sản ngắn hạn.
- Có thời hạn thu hồi hoặc thanh toán trên 1 năm (hoặc trên một chu kỳ sản xuất kinh doanh) được phân loại là tài sản dài hạn.

b. Lập dự phòng phải thu khó đòi

5. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

a. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì phải ghi nhận theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá gốc của hàng tồn kho mua ngoài bao gồm giá mua, các loại thuế không được hoàn lại, chi phí vận chuyển, bốc xếp, bảo quản trong quá trình mua hàng và các chi phí khác có liên quan trực tiếp đến việc mua hàng tồn kho.

Giá gốc của hàng tồn kho do đơn vị tự sản xuất bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí nhân công trực tiếp, chi phí sản xuất chung cố định và chi phí sản xuất chung biến đổi phát sinh trong quá trình chuyển hóa nguyên liệu, vật liệu thành thành phẩm.

Những chi phí không được ghi nhận vào giá gốc của hàng tồn kho:

- Các khoản chiết khấu thương mại và giảm giá hàng mua do hàng mua không đúng quy cách, phẩm chất;

CÔNG TY TNHH DỆT KIM PHÚ VĨNH HƯNG

Địa chỉ: Xóm Đoàn Kết, xã La Phú, huyện Hoài Đức, thành phố Hà Nội

BÁO THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Mẫu số B09-DN

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 03 năm 2016

- Chi phí nguyên vật liệu, chi phí nhân công và các chi phí sản xuất kinh doanh khác phát sinh trên mức bình thường;
- Chi phí bảo quản hàng tồn kho trừ các chi phí bảo quản hàng tồn kho cần thiết cho quá trình sản xuất tiếp theo và chi phí bảo quản hàng tồn kho phát sinh trong quá trình mua hàng;
- Chi phí bán hàng;
- Chi phí quản lý doanh nghiệp.

b) Phương pháp tính giá trị hàng tồn kho

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền quý.

c) Phương pháp hạch toán hàng tồn kho

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kiểm kê định kỳ.

d) Phương pháp lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho là dự phòng phần giá trị bị tổn thất của hàng tồn kho bị giảm giá trị so với giá trị ghi sổ, điều kiện lập dự phòng theo hướng dẫn tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009 của Bộ Tài chính ban hành và Thông tư số 89/2014/TT-BTC hướng dẫn bổ sung Thông tư số 228/2009/TT-BTC về điều kiện lập dự phòng.

6. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định, tài sản cố định thuê tài chính, bất động sản đầu tư

a) Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo giá gốc theo quy định tại Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/4/2013. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng. Thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	05-50 năm
- Máy móc, thiết bị	05-25 năm
- Phương tiện vận tải	01-10 năm
- Thiết bị văn phòng	03-10 năm

b) Nguyên tắc ghi nhận tài sản cố định thuê tài chính

c) Nguyên tắc ghi nhận bất động sản đầu tư

7. Nguyên tắc kế toán các hợp đồng hợp tác kinh doanh

8. Nguyên tắc kế toán tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

9. Nguyên tắc kế toán chi phí trả trước

Các chi phí trả trước chỉ liên quan đến chi phí sản xuất kinh doanh năm tài chính hiện tại được ghi nhận là chi phí trả trước ngắn hạn và được tính vào chi phí sản xuất kinh doanh trong năm tài chính.

Các chi phí đã phát sinh trong năm tài chính nhưng liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều năm tài chính được hạch toán vào chi phí trả trước dài hạn để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong năm tài chính sau. Các chi phí sau đây đã phát sinh trong năm tài chính nhưng được hạch toán vào chi phí trả trước dài hạn để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong nhiều năm:

- Công cụ dụng cụ xuất dùng có giá trị lớn.

10. Nguyên tắc kế toán nợ phải trả

CÔNG TY TNHH DỆT KIM PHÚ VĨNH HƯNG

Địa chỉ: Kim Đoàn Kết, xã La Phú, huyện Hoài Đức, thành phố Hà Nội

BÁO THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Mẫu số B09-DN

Báo cáo tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 03 năm 2016

Hiệu lực các khoản phải trả người bán, phải trả nội bộ, phải trả khác và các khoản vay tại thời điểm báo cáo được phân loại và phản ánh trên báo cáo như sau:

- Là khoản nợ ngắn hạn nếu có thời hạn phải thanh toán đến 1 năm (hoặc trong một chu kỳ sản xuất kinh doanh).
- Là khoản nợ dài hạn nếu có thời hạn phải thanh toán trên 1 năm (hoặc trên một chu kỳ sản xuất kinh doanh).
- Các khoản phải trả, tiến hành theo dõi chi tiết công nợ theo từng hạng mục công trình chuyển sang theo dõi chi tiết công nợ theo từng đội xây dựng.

12. Nguyên tắc ghi nhận vay và nợ phải trả thuê tài chính

Vay được ghi nhận theo số tiền vay mà Công ty nhận được theo hợp đồng vay;

Nợ cho thuê tài chính được ghi nhận theo số tài sản thuê tài chính mà Công ty nhận được tương ứng với số tiền thuê mà Công ty phải trả theo hợp đồng thuê tài chính.

13. Nguyên tắc ghi nhận và vốn hoá các khoản chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 18 "Chi phí đi vay".

14. Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả

15. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận các khoản dự phòng phải trả

16. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

- Nguyên tắc ghi nhận vốn góp của chủ sở hữu.
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.
- Nguyên tắc ghi nhận chênh lệch tỷ giá:
Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá đều được phản ánh ngay vào doanh thu hoạt động tài chính (nếu lãi) hoặc chi phí hoạt động tài chính (nếu lỗ).
- Nguyên tắc ghi nhận lợi nhuận chưa phân phối:
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ (-) các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

17. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu

a) Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

b) Doanh thu cung cấp dịch vụ

CÔNG TY TNHH DỆT KIM PHÚ VĨNH HƯNG

Địa chỉ: Văn Đoàn Kết, xã La Phú, huyện Hoài Đức, thành phố Hà Nội

QUYẾT ĐỊNH MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Mẫu số B09-DN

Ngày quyết định kết thúc vào ngày 31 tháng 03 năm 2016

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp việc cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ thu kết quả phản công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng Cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Phần cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

17. Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

Cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

18. Thu nhập khác

Các khoản thu được từ các hoạt động khác ngoài các hoạt động đã nêu trên.

19. Nguyên tắc kế toán các khoản giảm trừ doanh thu

Giảm trừ doanh thu là các khoản: Chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán, hàng bán bị trả lại trong kỳ của Công ty.

20. Nguyên tắc kế toán giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán phản ánh giá trị vốn của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ, bất động sản đầu tư, giá thành sản phẩm của sản phẩm xây lắp bán ra trong kỳ.

21. Nguyên tắc kế toán chi phí tài chính

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính;
- Chi phí cho vay và đi vay vốn;
- Các khoản lỗ do thay đổi tỷ giá hối đoái của các nghiệp vụ phát sinh liên quan đến ngoại tệ;
- Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán.

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong kỳ, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

22. Nguyên tắc kế toán chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp

- Chi phí bán hàng phản ánh các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình bán sản phẩm, hàng hóa, cung cấp dịch vụ, bao gồm các chi phí chào hàng, giới thiệu sản phẩm, quảng cáo sản phẩm, hoa hồng bán hàng, chi phí bảo hành sản phẩm, hàng hóa (trừ hoạt động xây lắp), chi phí bảo quản, đóng gói, vận chuyển...
- Chi phí quản lý doanh nghiệp phản ánh các khoản chi phí quản lý chung của Công ty, gồm các chi phí về tiền lương của bộ phận quản lý doanh nghiệp, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn, bảo hiểm thất nghiệp của nhân viên quản lý doanh nghiệp, chi phí vật liệu văn phòng, công

CÔNG TY TNHH DỆT KIM PHÚ VĨNH HƯNG

Địa chỉ: Xóm Đoàn Kết, xã La Phú, huyện Hoài Đức, thành phố Hà Nội

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Mẫu số B09-DN

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 03 năm 2016

cụ lao động, khấu hao tài sản cố định dùng cho quản lý doanh nghiệp, tiền thuê đất, thuế môn bài, khoản dự phòng phải thu khó đòi, dịch vụ mua ngoài và chi phí bằng tiền khác.

II. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành, chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế TNDN trong năm hiện hành.
- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xác định trên cơ sở số chênh lệch tạm thời được khấu trừ, số chênh lệch tạm thời chịu thuế và thuế suất thuế TNDN.

III. Công cụ tài chính

a) Tài sản tài chính

Theo Thông tư số 210/2009/TT-BTC ngày 06 tháng 11 năm 2009, tài sản tài chính được phân loại một cách phù hợp, cho mục đích thuyết minh trong các báo cáo tài chính, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản cho vay và phải thu, các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn và tài sản tài chính sẵn sàng để bán. Công ty quyết định phân loại các tài sản tài chính này tại thời điểm ghi nhận lần đầu.

Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, tài sản tài chính được xác định theo nguyên giá cộng với chi phí giao dịch trực tiếp có liên quan.

Các tài sản tài chính của công ty bao gồm tiền và các khoản tiền gửi ngắn hạn, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác, các công cụ tài chính được niêm yết, không được niêm yết.

b) Nợ phải trả tài chính

Việc phân loại các khoản nợ tài chính phụ thuộc vào bản chất và mục đích của khoản nợ tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Nợ phải trả tài chính của công ty gồm các khoản phải trả người bán, các khoản phải trả khác, nợ và vay.

Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được ghi nhận ban đầu theo nguyên giá cộng với các chi phí giao dịch trực tiếp có liên quan.

IV. Báo cáo theo bộ phận

Công ty lập báo cáo bộ phận theo quy định tại Thông tư số 20/2006/TT-BTC ngày 20/03/2006 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn thực hiện 06 chuẩn mực kế toán ban hành theo Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15/02/2005 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

Lĩnh vực hoạt động kinh doanh của công ty là sản xuất, mua bán các hàng dệt kim, may mặc xuất khẩu.

Khu vực địa lý hoạt động của công ty chủ yếu ở Hà Nội và thành phố Hồ Chí Minh.

CÔNG TY CỔ PHẦN MAY PHÚ THÀNH

Địa chỉ: CN Trường An, xã An Khánh, huyện Hoài Đức, Hà Nội

BẢNG TÍNH MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**Mẫu số B09-DN**

Bảng tính đính kèm vào ngày 31 tháng 03 năm 2016

Bảng tính bổ sung cho các khoản trình bày trong Bảng cân đối kế toán

Đơn vị : VND

TÀI SẢN VÀ TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	Số cuối quý I/2016	Số đầu năm
Tiền mặt	1,405,328,119	1,712,465,231
Tiền gửi ngân hàng	1,547,015,809	1,228,217,721
Tiền gửi ngân hàng VND	1,537,293,949	1,218,495,861
Đầu tư Phát triển Việt Nam - CN Quang Minh	503,914,161	501,529,677
Đầu tư Phát triển Việt Nam - CN Tràng An	274,466,258	518,963,602
Đầu tư Phát triển Việt Nam - TK tiền vay	687,876,782	
Công Thương Việt Nam - CN Nguyễn Trãi	1,091,420	1,118,516
Indovina	7,506,687	72,986,662
Quân Đội	890,000	1,000,000
Sài Gòn - Hà Nội (SHB)	2,554,003	2,554,003
Kỹ thương Việt Nam	58,466,935	120,343,401
Việt Nam Thịnh Vượng VPBank	527,703	
Tiền gửi ngân hàng USD	9,721,860	9,721,860
Công Thương Việt Nam - CN Nguyễn Trãi	8,672,073	8,672,073
Indovina	206,000	206,000
Sài Gòn - Hà Nội (SHB)	843,787	843,787
Tiền đang chuyển	6,567,353	6,567,353
Các khoản tương đương tiền		
	2,958,911,281	2,947,250,305

CÔNG TY CỔ PHẦN MAY PHÚ THẠNH

Địa chỉ: Cụm CN Trường An, xã An Khánh, huyện Hoài Đức, Hà Nội

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Kỳ tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 03 năm 2016

Mẫu số B09-DN

2 . CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

	Số cuối quý I/2016			Số đầu năm		
	Giá gốc	Giá trị hợp lý (*)	Dự phòng	Giá gốc	Giá trị hợp lý (*)	Dự phòng
a) Chứng khoán kinh doanh						
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn						
b1) Ngắn hạn						
b2) Dài hạn						
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác						
Đầu tư vào công ty con	75,000,000,000	-	-	75,000,000,000	-	-
Công ty TNHH Dệt kim Phú Vinh Hưng - tỷ lệ sở hữu 87,5%	75,000,000,000	-	-	75,000,000,000	-	-
Đầu tư vào công ty Liên doanh, Liên kết	-	-	-	-	-	-
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	18,420,000,000	-	-	18,420,000,000	-	15,000,000,000
Công ty CP Dệt may Supertex - tỷ lệ sở hữu 19%	3,420,000,000	-	-	3,420,000,000	-	-
Công ty CP Đầu tư NHP - tỷ lệ sở hữu 10%	15,000,000,000	-	-	15,000,000,000	-	15,000,000,000
Cộng	93,420,000,000	-	-	93,420,000,000	-	15,000,000,000

CÔNG TY CỔ PHẦN MAY PHÚ THẠNH

Địa chỉ: Cụm CN Trường An, xã An Khánh, huyện Hoài Đức, Hà Nội

PHẠM THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Mẫu số B09-DN

Báo cáo tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 03 năm 2016

PHẢI THU CỦA KHÁCH HÀNG

	Số cuối quý I/2016	Số đầu năm
a) Phải thu khách hàng ngắn hạn	19,727,287,755	15,043,409,225
Phải thu khách hàng trong nước (chỉ tiết chiếm từ 10% trở lên trên tổng khoản phải thu)	12,294,583,606	7,648,724,006
- Công ty Cổ phần Đầu Tư K&G Việt Nam	2,697,169,700	503,749,700
- Công ty TNHH Thương mại NTG Việt Nam	4,963,602,050	4,350,700,450
- Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại Phúc Quang Minh	2,022,073,856	2,022,073,856
- Công ty TNHH Thương Mại Tổng Hợp Shinhwa Việt Nam	2,611,738,000	772,200,000
Các khách hàng khác	7,432,704,149	7,394,685,219
Cộng	19,727,287,755	15,043,409,225
b) Phải thu khách hàng dài hạn (Chỉ tiết khách hàng chiếm từ 10% trở lên trên tổng phải thu)	-	-
c) Phải thu của khách hàng ngắn hạn là các bên liên quan	-	426,950,784
- Công ty TNHH Dệt Kim Phú Vĩnh Hưng	0	426,950,784
Cộng	-	426,950,784

TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN

	Số cuối quý I/2016	Số đầu năm
Trả trước cho người bán ngắn hạn	754,835,000	710,021,500
Trả trước cho người bán (chỉ tiết chiếm từ 10% trở lên tổng khoản trả trước)	639,250,000	623,956,500
- Công ty TNHH Đầu tư và Phát triển Tân Phú Mỹ		352,000,000
- Công ty Cổ phần Truyền thông và Dữ liệu thanh toán An Du	80,000,000	80,000,000
- Zhejiang Jinwang Chemical Fiber Co.LTD		191,956,500
- Shaoxing Golden Gulf Import & Export Co.ltd	559,250,000	
Các khách hàng khác	115,585,000	86,065,000
Cộng	754,835,000	710,021,500

PHẢI THU VỀ CHO VAY NGẮN HẠN

	Số cuối quý I/2016	Số đầu năm
	Giá trị	Giá trị Dự phòng
- Phải thu về cho vay	9,500,000,000	8,500,000,000
+ Bà Nguyễn Thị Hòa (i)	2,950,000,000	2,950,000,000
+ Ông Tạ Duy Khánh (ii)	2,000,000,000	2,000,000,000
+ Ông Tạ Duy Lư (iii)	1,750,000,000	1,750,000,000
+ Ông Tạ Tương Nguyên (iv)	1,800,000,000	1,800,000,000
+ Ông Nguyễn Văn Sang (v)	1,000,000,000	
Cộng	9,500,000,000	8,500,000,000

(i) Cho bà Nguyễn Thị Hòa vay số tiền 1.950.000.000 VND theo Hợp đồng cho vay tiền HDCV-PT/2015: số 03 ngày 25/03/2015, thời hạn vay 12 tháng, cho vay bằng tiền mặt, lãi suất 11%/năm.

(ii) Cho bà Nguyễn Thị Hòa vay số tiền 1.000.000.000 VND theo Hợp đồng cho vay tiền HDCV-PT/2015: số

HỢP ĐỒNG CÔNG TY CỔ PHẦN MAY PHÚ THÀNH

Địa chỉ: Công ty Cổ phần CN Trường An, xã An Khánh, huyện Hoài Đức, Hà Nội

M TÀI CHÍNH THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Mẫu số B09-DN

được thông qua và phê duyệt kết thúc vào ngày 31 tháng 03 năm 2016

Cho ông Tạ Duy Khánh vay số tiền 1.000.000.000 VND theo Hợp đồng cho vay tiền HĐCV-PT/2015: số 01 ngày 20/07/2015, thời hạn vay 12 tháng, cho vay bằng tiền mặt, lãi suất 11%/năm.

Cho ông Tạ Duy Khánh vay số tiền 1.000.000.000 VND theo Hợp đồng cho vay tiền HĐCV-PT/2015: số 02 ngày 04/08/2015, thời hạn vay 12 tháng, cho vay bằng tiền mặt, lãi suất 11%/năm.

Cho ông Tạ Duy Lư vay số tiền 2.500.000.000 VND theo Hợp đồng cho vay tiền HĐCV-PT/2015: số 02 ngày 25/03/2015, thời hạn vay 12 tháng, cho vay bằng tiền mặt, lãi suất 11%/năm.

Cho ông Tạ Tương Nguyên vay số tiền 1.800.000.000 VND theo Hợp đồng cho vay tiền HĐCV-PT/2015: số 05 ngày 31/03/2015, thời hạn vay 12 tháng, cho vay bằng tiền mặt, lãi suất 11%/năm.

Cho ông Nguyễn Văn Sang vay số tiền 1.000.000.000 VND theo Hợp đồng cho vay tiền HĐCV-PT/2016: số 01 ngày 10/01/2016, thời hạn vay 12 tháng, cho vay bằng tiền mặt, lãi suất 11%/năm.

PHẢI THU KHÁC

	Số cuối quý I/2016	Số đầu năm	
	Giá trị	Giá trị	Dự phòng
Nợ Ngân hàng	261,402,778	608,116,666	-
Các khoản phải thu khác	261,402,778	608,116,666	-
Phải thu về lãi cho vay	261,402,778	608,116,666	-
Phải thu khác	-	-	-
Còn lại	-	-	-
Cộng	261,402,778	608,116,666	-

TRÌNH TỒN KHO

	Số cuối quý I/2016	Số đầu năm	
	Giá gốc	Giá gốc	Dự phòng
Hàng mua đang đi đường	-	-	-
Nguyên vật liệu	6,009,059,214	4,049,000,371	-
Công cụ, dụng cụ	5,340,068	29,984,383	-
Còn lại SXKD dở dang	71,103,628	71,103,629	-
Thành phẩm nhập kho	3,104,359,143	1,639,587,855	-
Hàng hóa	11,195,684,233	8,075,427,690	-
Cộng	20,385,546,286	13,865,103,928	-

PHẢI TRẢ TRƯỚC

	Số cuối quý I/2016	Số đầu năm
Nợ Ngân hàng	10,556,314	-
Còn lại công cụ dụng cụ xuất dùng	-	-
Còn lại mua bảo hiểm	-	-
Còn lại khác	10,556,314	-
Còn lại	232,841,034	291,094,552
Còn lại công cụ dụng cụ chờ phân bổ	232,841,034	291,094,552
Cộng	243,397,348	291,094,552

(THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo))
 tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 03 năm 2016

Mẫu số 009-D/N

TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

Đơn vị : VND

Khoản mục	Nhà cửa vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị dụng cụ quản lý	TSCĐ khác	Tổng cộng
I. Nguyên giá						
Số dư đầu năm	-	7,313,108,000	-	-	-	7,313,108,000
Tăng trong năm	-	-	-	-	-	-
- Mua trong năm	-	-	-	-	-	-
- Đầu tư XD/CB hoàn thành	-	-	-	-	-	-
- Tăng khác	-	-	-	-	-	-
Giảm trong năm	-	152,100,000	-	-	-	152,100,000
- Thanh lý, nhượng bán	-	152,100,000	-	-	-	152,100,000
Số dư cuối năm	-	7,161,008,000	-	-	-	7,161,008,000
II. Giá trị hao mòn lũy kế						
Số dư đầu năm	-	833,927,188	-	-	-	833,927,188
Tăng trong năm	-	197,042,286	-	-	-	197,042,286
- Số khấu hao trong năm	-	197,042,286	-	-	-	197,042,286
- Tăng khác	-	-	-	-	-	-
Giảm trong năm	-	152,100,000	-	-	-	152,100,000
- Thanh lý, nhượng bán	-	152,100,000	-	-	-	152,100,000
Số dư cuối năm	-	878,869,474	-	-	-	878,869,474
III. Giá trị còn lại						
1. Tại ngày đầu năm	-	6,479,180,812	-	-	-	6,479,180,812
2. Tại ngày cuối năm	-	6,282,138,526	-	-	-	6,282,138,526

Giá trị tài sản đảm bảo là 0 VND.

AI VÀ NỢ THUẾ TÀI CHÍNH

Đơn vị : VND

	Số cuối quý I/2016		Trong năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Vay ngắn hạn	14,997,824,419	14,997,824,419	5,396,435,209	5,395,181,809	14,996,571,019	14,996,571,019
<i>ty ngắn hạn VND</i>	<i>14,997,824,419</i>	<i>14,997,824,419</i>	<i>5,396,435,209</i>	<i>5,395,181,809</i>	<i>14,996,571,019</i>	<i>14,996,571,019</i>
<i>gân hàng TNHH Indovina - Chi nhánh Mỹ Đình (*)</i>	<i>9,998,635,209</i>	<i>9,998,635,209</i>	<i>5,396,435,209</i>	<i>5,395,181,809</i>	<i>9,997,381,809</i>	<i>9,997,381,809</i>
<i>gân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam- chi nhánh Quang Minh (**)</i>	<i>4,999,189,210</i>	<i>4,999,189,210</i>		-	<i>4,999,189,210</i>	<i>4,999,189,210</i>
<i>gân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng Bank- chi nhánh Ngõ Quyền (***)</i>	<i>1,666,680,000</i>	<i>1,666,680,000</i>	<i>2,000,000,000</i>	<i>333,320,000</i>		
<i>ty cá nhân</i>	-	-				-
Vay dài hạn	-	-	-	-	-	-
ổng	14,997,824,419	14,997,824,419	5,396,435,209	5,395,181,809	14,996,571,019	14,996,571,019

) Hợp đồng hạn mức tín dụng số 077/IVBMD-HDHM/2015 ngày 12 tháng 8 năm 2015 vay Ngân hàng TNHH Indovina - Chi nhánh Mỹ Đình; hạn mức tín dụng 10 tỷ đồng; thời hạn vay đến hết ngày 12 tháng 08 năm 2016; lãi suất quy định trong từng khế ước; mục đích vay bổ sung vốn lưu động.

*) Hợp đồng tín dụng số 01/2015/6700554/HĐTD ngày 23 tháng 11 năm 2015 vay Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Quang Minh; hạn mức tín dụng 5 tỷ đồng; thời hạn vay 12 tháng kể từ ngày ký hợp đồng; lãi suất quy định trong từng khế ước; mục đích vay bổ sung vốn lưu động, bảo lãnh, mở L/C.

**) Hợp đồng tín dụng số 010216-030216-01-SME ngày 03 tháng 02 năm 2016 vay Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng - Chi nhánh Ngõ Quyền; hạn mức tín dụng 2 tỷ đồng; thời hạn vay 12 tháng kể từ ngày ký hợp đồng; lãi suất quy định trong từng khế ước; mục đích vay bổ sung vốn lưu động.

CÔNG TY CỔ PHẦN MAY PHÚ THÀNH

Địa chỉ: Km CN Trường An, xã An Khánh, huyện Hoài Đức, Hà Nội

QUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**Mẫu số B09-DN**

Báo cáo kết thúc vào ngày 31 tháng 03 năm 2016

PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN

	Số cuối quý I/2016	Số đầu năm	Số có khả năng trả nợ
	Giá trị	Giá trị	
Các khoản phải trả người bán ngắn hạn	21,213,518,480	12,856,031,315	12,856,031,315
Các khoản phải trả người bán ngắn hạn từ 10% trở lên	19,637,967,848	11,529,247,878	11,529,247,878
Công ty Cổ phần Sản xuất Xuất nhập khẩu NHP	871,744,300	1,871,744,300	1,871,744,300
Công ty TNHH Đầu Tư và Phát Triển Tân Phú Mỹ	1,706,382,500	352,000,000	352,000,000
Công ty TNHH Dệt kim Phú Bình Hưng	17,059,841,048	9,305,503,578	9,305,503,578
Các khoản phải trả người bán khác	1,575,550,632	1,326,783,437	1,326,783,437
Cộng	21,213,518,480	12,856,031,315	12,856,031,315
Các khoản phải trả người bán là bên liên quan	-	-	-
Phải trả người bán là bên liên quan	17,059,841,048	9,305,503,578	9,305,503,578
Công ty TNHH Dệt kim Phú Bình Hưng	17,059,841,048	9,305,503,578	9,305,503,578
Cộng	17,059,841,048	9,305,503,578	9,305,503,578

NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC

	Số cuối quý I/2016	Số đầu năm
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	1,196,180,729	1,031,128,584
Người mua trả tiền trước (chi tiết chiếm từ 10% trở lên tổng phải trả trước)	1,001,627,081	1,001,627,081
Công ty Cổ phần Sản xuất Xuất nhập khẩu NHP	868,000,000	868,000,000
Công ty TNHH Trường Thọ Phát	133,627,081	133,627,081
Các khách hàng khác	194,553,648	29,501,503
Cộng	1,196,180,729	1,031,128,584

THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	Đầu năm	Số đã nộp trong năm	Cuối quý I/2016
Phải nộp (chi tiết cho từng loại thuế)			
Thuế TNDN	3,525,802,021		3,881,544,962
Các loại thuế khác	1,000,000	1,000,000	-
Cộng	3,526,802,021	1,000,000	3,881,544,962
Phải thu (Chi tiết cho từng loại thuế)			
Thuế GTGT	1,903,404	4,744,654,036	1,903,404
Cộng	1,903,404	4,744,654,036	1,903,404

CÔNG TY CỔ PHẦN MAY PHÚ THÀNH

Tên đơn vị: Công ty Cổ phần May Phú Thành, địa chỉ: Cụm CN Trường An, xã An Khánh, huyện Hoài Đức, Hà Nội

M TÀI CHÍNH THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Mẫu số B09-DN

thời kỳ báo cáo tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 03 năm 2016

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	Số cuối quý I/2016	Số đầu năm
Chi phí kiểm toán	80,000,000	80,000,000
Cộng	80,000,000	80,000,000

CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ KHÁC

	Số cuối quý I/2016	Số đầu năm
Ngắn hạn	40,650,404	-
- Bảo hiểm xã hội	32,460,404	-
- Bảo hiểm y tế	5,670,000	-
- Bảo hiểm thất nghiệp	2,520,000	-
Cộng	40,650,404	-

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
 Kỳ tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 03 năm 2016

Mẫu số B09-DN

16 . VỐN CHỦ SỞ HỮU

a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn góp của chủ sở hữu	Vốn khác của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Đơn vị : VND Tổng cộng
Số dư đầu năm trước	96,000,000,000				2,393,202,835	98,393,202,835
Tăng vốn trong năm trước						-
Lãi trong năm trước					11,625,558,586	11,625,558,586
Tăng khác		-				-
Giảm vốn trong năm trước						-
Phân phối lợi nhuận						-
Lỗ trong năm trước						-
Giảm khác					-	-
Số dư đầu năm nay	96,000,000,000	-	-		14,018,761,421	110,018,761,421
Tăng vốn trong quý này						-
Lãi trong quý này					1,422,881,027	1,422,881,027
Tăng khác						-
Giảm vốn trong quý này						-
Lỗ trong quý này						-
Giảm khác						-
Số dư cuối quý này	96,000,000,000	-	-		15,441,642,448	111,441,642,448

CÔNG TY CỔ PHẦN MAY PHÚ THÀNHSố 10/2016/CĐKT-ĐT
Cụm CN Trường An, xã An Khánh, huyện Hoài Đức, Hà Nội**BÁO CÁO THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

Mẫu số B09-DN

Báo cáo tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 03 năm 2016

II. VỐN CHỦ SỞ HỮU (tiếp theo)**a) Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu**

	Số cuối quý I/2016	Số đầu năm
Vốn góp của công ty mẹ	-	-
Vốn góp của các đối tượng khác	96,000,000,000	96,000,000,000
Cộng	96,000,000,000	96,000,000,000

c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Số cuối quý I/2016	
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
- Vốn góp đầu năm	96,000,000,000	
- Vốn góp tăng trong năm	-	
- Vốn góp giảm trong năm	-	
- Vốn góp cuối năm	96,000,000,000	-
Cổ tức, lợi nhuận đã chia		

d) Cổ phiếu

	Số cuối quý I/2016	Số đầu năm
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	9,600,000	9,600,000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	9,600,000	9,600,000
- Cổ phiếu phổ thông	9,600,000	9,600,000
- Cổ phiếu ưu đãi		
Số lượng cổ phiếu được mua lại		
- Cổ phiếu phổ thông		
- Cổ phiếu ưu đãi		
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	9,600,000	9,600,000
- Cổ phiếu phổ thông	9,600,000	9,600,000
- Cổ phiếu ưu đãi		

* Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND/cổ phần

g) Thu nhập và chi phí, lãi hoặc lỗ được ghi nhận trực tiếp vào Vốn chủ sở hữu theo quy định của các chuẩn mực kế toán cụ thể.

Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Báo cáo kết quả kinh doanh

TỔNG DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Quý I/2016	
- Doanh thu bán, gia công quần áo	6,084,253,956	-
- Doanh thu bán các loại vải sợi	6,892,392,500	-
- Doanh thu bán bất tất	2,562,574,000	-
Cộng	15,539,220,456	

CÁC KHOẢN GIẢM TRỪ DOANH THU

	Quý I/2016	
Hàng bán bị trả lại	87,274	
Cộng	87,274	

CÔNG TY CỔ PHẦN MAY PHÚ THÀNH

Địa chỉ: Cụm CN Trường An, xã An Khánh, huyện Hoài Đức, Hà Nội

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Mẫu số B09-DN

Báo cáo tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 03 năm 2016

GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Quý I/2016
- Giá vốn bán, gia công quần áo	4,508,308,798
- Giá vốn bán các loại vải sợi	6,315,649,241
- Giá vốn bán bút tất	2,346,525,999
Cộng	13,170,484,038

DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Quý I/2016	
Lãi tiền gửi, cho vay	261,656,428	
Lãi từ hoạt động bán chứng khoán		
Lãi từ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện		
Cộng	261,656,428	-

CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Quý I/2016	
Lãi tiền vay	405,625,246	
Chi phí hoạt động chứng khoán		-
Lỗ chênh lệch tỷ giá	3,266,421	-
Cộng	408,891,667	-

THU NHẬP KHÁC

	Quý I/2016	
- Các khoản khác	2,000,106	-
Cộng	2,000,106	-

CHI PHÍ KHÁC

	Quý I/2016	
- Lỗ đánh giá lại tài sản		
- Các khoản chi phí khác	90,738	
Cộng	90,738	-

CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Quý I/2016	
a) Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp phát sinh trong kỳ	396,694,406	
- Chi tiết các khoản chiếm từ 10% trở lên trên tổng chi phí bán hàng	183,525,941	-
+ Chi phí nhân công	111,620,000	
+ Chi phí trả trước	71,905,941	
- Các khoản chi phí QLDN khác	213,168,465	
b) Các khoản chi phí bán hàng phát sinh trong kỳ:	48,004,899	
- Chi tiết các khoản chiếm từ 10% trở lên trên tổng chi phí bán hàng	32,930,000	
+ Chi phí nhân công	32,930,000	
- Các khoản chi phí bán hàng khác	15,074,899	-
c) Các khoản ghi giảm chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp		
Cộng	444,699,305	

CÔNG TY CỔ PHẦN MAY PHÚ THÀNH

Địa chỉ: Cụm CN Trường An, xã An Khánh, huyện Hoài Đức, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH MINH BÁC (tiếp theo)

Mẫu số B09-DN

Báo cáo tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 03 năm 2016

CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Quý I/2016
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	1,778,623,968
- Các khoản điều chỉnh tăng lợi nhuận kế toán trước thuế	90,738
- Các khoản điều chỉnh giảm lợi nhuận kế toán trước thuế	-
Số lỗ được chuyển từ các năm trước	
Tổng thu nhập chịu thuế	1,778,714,706
Thuế suất thuế TNDN	20%
Chi phí thuế TNDN hiện hành	355,742,941

CHI PHÍ SẢN XUẤT, KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Quý I/2016
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	4,714,489,145
Chi phí nhân công	735,212,000
Chi phí khấu hao tài sản cố định	512,507,348
Chi phí dịch vụ mua ngoài	4,545,454
Chi phí bằng tiền khác	
Cộng	5,966,753,947

Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong báo cáo lưu chuyển tiền tệ

Những thông tin khác

NHỮNG KHOẢN NỢ TIỀM TÀNG, KHOẢN CAM KẾT VÀ NHỮNG THÔNG TIN TÀI CHÍNH KHÁC**NHỮNG SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN NĂM**

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày lập Báo cáo tài chính đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
Kỳ tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 03 năm 2016

Mẫu số B09-DN

3. BÁO CÁO BỘ PHẬN**3.1 Báo cáo bộ phận chính yếu: theo lĩnh vực kinh doanh**

Thông tin về kết quả kinh doanh, tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác và giá trị các khoản chi phí lớn không bằng tiền của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của công ty như sau:

Quý I/2016				
CHỈ TIÊU	Quần áo	Vải, sợi các loại	Bit tất	Tổng cộng
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài	6,084,166,682	6,892,392,500	2,562,574,000	15,539,133,182
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ giữa các bộ phận				
Giá vốn	4,508,308,798	6,315,649,241	2,346,525,999	13,170,484,038
Tổng doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	6,084,166,682	6,892,392,500	2,562,574,000	15,539,133,182
Kết quả kinh doanh theo bộ phận	1,575,857,884	576,743,259	216,048,001	2,368,649,144
Các chi phí không phân bổ theo bộ phận				444,699,305
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh				1,923,949,839
Doanh thu hoạt động tài chính				261,656,428
Chi phí tài chính				408,891,667
Thu nhập khác				2,000,106
Chi phí khác				90,738
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành				355,742,941
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại				
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp				1,422,881,027
Tổng chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác				-
Tổng chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn				358,110,708
Tổng giá trị các khoản chi phí lớn không bằng tiền (trừ chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn)				

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Mẫu số B09-DN

Kỳ tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 03 năm 2016

Tài sản và nợ phải trả của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Công ty như sau:

Đơn vị : VND

CHỈ TIÊU	Quần áo	Sợi các loại	Hạt nhựa	TỔNG CỘNG
Quý I/2016				
Tài sản trực tiếp của bộ phận	16,001,260,008	18,126,880,843	6,739,528,190	40,867,669,041
Các tài sản không phân bổ theo bộ phận				113,650,372,401
Tổng tài sản				154,518,041,442
Nợ phải trả trực tiếp của bộ phận	468,350,638	530,566,730	197,263,361	1,196,180,729
Nợ phải trả không phân bổ theo bộ phận				41,880,218,265
Tổng nợ phải trả				43,076,398,994
Số đầu năm				
Tài sản trực tiếp của bộ phận	10,205,648,059	10,216,220,286	4,630,216,539	25,052,084,884
Các tài sản không phân bổ theo bộ phận				92,449,204,538
Tổng tài sản				117,501,289,422
Nợ phải trả trực tiếp của bộ phận	4,497,165,979	4,501,824,680	2,040,326,315	11,039,316,974
Nợ phải trả không phân bổ theo bộ phận				8,068,769,613
Tổng nợ phải trả				32,489,532,939

3.2 Báo cáo bộ phận thứ yếu: theo khu vực địa lý

Công ty không lập báo cáo bộ phận theo lĩnh vực địa lý vì không thỏa mãn 1 trong 3 điều kiện phải lập báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh hay khu vực địa lý được quy định tại Thông tư 20/2006/TT-BTC ngày 20/03/2006 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn thực hiện 06 chuẩn mực kế toán ban hành theo Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15/02/2005 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

CÔNG TY CỔ PHẦN MAY PHÚ THÀNH

Địa chỉ: Cụm CN Trường An, xã An Khánh, huyện Hoài Đức, Hà Nội

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Mẫu số B09-DN

Tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 03 năm 2016

CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Tổng quan

Các loại rủi ro mà Công ty phải đối mặt do việc sử dụng các công cụ tài chính của mình bao gồm:

- Rủi ro tài chính
- Rủi ro thanh toán
- Rủi ro thị trường

Thuyết minh này cung cấp thông tin về từng loại rủi ro nêu trên mà Công ty có thể gặp phải và mô tả các mục tiêu, chính sách và các quy trình Công ty sử dụng để đo lường và quản lý rủi ro.

Khung quản lý rủi ro

Ban Giám đốc có trách nhiệm chung trong việc thiết lập và giám sát khung quản lý rủi ro của Công ty. Ban Giám đốc có trách nhiệm xây dựng và giám sát các chính sách quản lý rủi ro của Công ty.

Các chính sách quản lý rủi ro của Công ty được thiết lập để phát hiện và phân tích các rủi ro mà Công ty gặp phải, đưa ra các hạn mức và biện pháp kiểm soát rủi ro phù hợp và theo dõi các rủi ro và tuân thủ theo các hạn mức. Các chính sách và hệ thống quản lý rủi ro được xem xét thường xuyên để phản ánh các thay đổi về điều kiện thị trường và các hoạt động của Công ty. Công ty thông qua các chuẩn mực và quy trình đào tạo quản lý nhằm mục đích phát triển một môi trường kiểm soát có kỷ luật và có tính xây dựng trong đó tất cả các nhân viên hiểu được vai trò và trách nhiệm của mình.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà đối tác sẽ không thực hiện các nghĩa vụ của mình theo quy định của một công cụ tài chính hoặc hợp đồng khách hàng, dẫn đến tổn thất về tài chính. Công ty có rủi ro tín dụng từ các hoạt động kinh doanh của mình (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và từ hoạt động tài chính của mình bao gồm tiền gửi ngân hàng và các công cụ tài chính khác.

Ảnh hưởng của rủi ro tài chính

Tổng giá trị ghi sổ của các tài sản tài chính thể hiện mức rủi ro tín dụng tối đa. Mức độ rủi ro tín dụng tối đa tại ngày báo cáo như sau:

	Số cuối quý I/2016 VND	Số đầu năm VND
Tiền gửi ngân hàng	1,547,015,809	1,228,217,721
Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn và dài hạn khác	93,420,000,000	93,420,000,000
Phải thu khách hàng và phải thu khác	19,988,690,533	15,685,323,597
Cộng	114,955,706,342	110,333,541,318

Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn trong việc đáp ứng các nghĩa vụ tài chính do tình trạng thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty phát sinh chủ yếu do không tương xứng trong các kỳ hạn của tài sản tài chính và các khoản phải trả tài chính.

Công ty giám sát rủi ro thanh khoản bằng việc duy trì tỷ lệ tiền mặt và các khoản tương đương tiền ở mức mà Ban Giám đốc cho là đủ để hỗ trợ tài chính cho các hoạt động kinh doanh của Công ty và để giảm thiểu ảnh hưởng của những thay đổi các luồng tiền.

Thông tin thời hạn đáo hạn của nợ phải trả tài chính của Công ty dựa trên các giá trị thanh toán chưa chiết khấu theo hợp đồng như sau:

CÔNG TY CỔ PHẦN MAY PHÚ THÀNH

Địa chỉ: Cụm CN Trường An, xã An Khánh, huyện Hoài Đức, Hà Nội

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Mẫu số B09-DN

Tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 03 năm 2016

	Từ 1 năm trở xuống (VND)	Từ 5 năm trở lên	Cộng
Số cuối quý I/2016			
Các khoản vay	16,664,504,419		16,664,504,419
Phải trả người bán	21,213,518,480		21,213,518,480
Chi phí phải trả	80,000,000		80,000,000
Phải trả khác	40,650,404		40,650,404
Số đầu năm			
Các khoản vay	14,996,571,019		14,996,571,019
Phải trả người bán	12,856,031,315		12,856,031,315
Chi phí phải trả	80,000,000		80,000,000
Phải trả khác	-		-

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro với việc trả nợ là thấp. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Rủi ro thị trường bao gồm 03 loại: rủi ro ngoại tệ, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá khác.

Rủi ro ngoại tệ

Rủi ro ngoại tệ là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá hối đoái.

Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động do thay đổi lãi suất thị trường. Rủi ro về thay đổi lãi suất thị trường của Công ty chủ yếu liên quan đến

Rủi ro về giá khác

Rủi ro về giá khác là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường ngoài thay đổi lãi suất và tỷ giá hối đoái.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
Tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 03 năm 2016

Mẫu số B09-DN

Giá trị hợp lý

Đơn vị: VND

Sơ sánh giá trị hợp lý và giá trị ghi sổ

Giá trị hợp lý của các tài sản và nợ phải trả tài chính cùng với các giá trị ghi sổ được trình bày tại bảng cân đối kế toán, như sau:

	Số cuối quý I/2016		Số đầu năm	
	Giá trị ghi sổ	Giá trị hợp lý	Giá trị ghi sổ	Giá trị hợp lý
Được phân loại là các khoản cho vay và phải thu:				
- Tiền và các khoản tương đương tiền	2,958,911,281	2,958,911,281	2,947,250,305	2,947,250,305
- Phải thu khách hàng và phải thu khác	19,988,690,533	(*)	15,651,825,487	(*)
- Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn và dài hạn khác	-	-	-	-
Được phân loại là tài sản tài chính sẵn sàng để bán:				
- Các khoản đầu tư vào công cụ vốn chủ sở hữu	93,420,000,000	(*)	93,420,000,000	(*)
Được phân loại là nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ:				
- Vay ngắn hạn	(16,664,504,419)	(16,664,504,419)	(14,996,571,019)	(14,996,571,019)
- Phải trả người bán và phải trả khác	(21,254,168,884)	(21,254,168,884)	(12,856,031,315)	(12,856,031,315)
- Vay dài hạn	-	-	-	-
Cộng	78,448,928,511	(*)	84,166,473,458	(*)

(*) Liên quan đến việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản và nợ phải trả tài chính này để thuyết minh theo quy định tại điều 28 Thông tư số 210/2009/TT-BTC ngày 06 tháng 11 năm 2009 của Bộ Tài chính, bởi vì không có giá trị niêm yết trên thị trường cho các tài sản và nợ phải trả tài chính này và Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam không có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý trong trường hợp không có giá trị niêm yết trên thị trường, Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các tài sản và nợ phải trả tài chính này cho mục đích thuyết minh.

Cơ sở xác định giá trị hợp lý**Nợ phải trả tài chính phi phải sinh ngắn hạn**

Giá trị hợp lý của nợ phải trả tài chính phi phải sinh ngắn hạn xấp xỉ giá trị ghi sổ do tính chất ngắn hạn của các công cụ tài chính này. Giá trị hợp lý của các công cụ này được xác định nhằm mục đích thuyết minh thông tin.

CÔNG TY CỔ PHẦN MAY PHÚ THÀNH

Địa chỉ: Cụm CN Trường An, xã An Khánh, huyện Hoài Đức, Hà Nội

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Mẫu số B09-DN

Kỳ tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 03 năm 2016

5. Thông tin về các bên liên quan

a) Trong năm, Công ty có giao dịch với các bên liên quan và số dư tại ngày 31/03/2016 như sau:

<u>Các bên liên quan</u>	<u>Mối quan hệ</u>	<u>Giá trị giao dịch</u>	<u>Số dư cuối quý I/2016 (VND)</u>
Công ty TNHH Dệt Kim Phú Vĩnh	Công ty con	14,818,337,470	-
Ông Tạ Duy Khánh		3,750,000,000	2,000,000,000
Ông Tạ Duy Lư	Người có liên quan đến bà Tạ Thị Nga - Thành viên HĐQT	3,500,000,000	1,750,000,000
Ông Tạ Tương Nguyên		1,800,000,000	1,800,000,000

b) Lương và thù lao chi trả trong kỳ cho các thành viên trong Ban Giám đốc:

<u>Họ và tên</u>	<u>Quý I/2016 (VND)</u>
Ông Nguyễn Viết Tùng	24,710,000
Ông Chu Ngọc Cường	16,960,000

6. Số liệu so sánh

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 của Công ty Cổ phần May Phú Thành đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH PKF Việt Nam.

7. Thông tin về hoạt động liên tục

Báo cáo tài chính này được lập trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục.

8. Những thông tin

Ngoài những thông tin đã trình bày trên, trong kỳ Công ty không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra đòi hỏi phải trình bày hay công bố trên Báo cáo tài chính.

Hà Nội, ngày 19 tháng 04 năm 2016

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Nguyễn Thị Hời

Nguyễn Thị Hời



Nguyễn Viết Tùng